

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 142/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28-11-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Minh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Nguyễn Thị Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3626/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn A, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Kim E, sinh năm 1978; nơi cư trú: Na Uy; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 15-10-2018 và các văn bản khác nguyên đơn là Anh Vũ Văn A trình bày: Anh A và chị Kim E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng ngày 09-8-2002. Sau khi kết hôn, anh A và chị Kim E chung sống cùng gia đình anh A tại Thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng. Đến tháng 10-2002, chị Kim E quay trở lại Na Uy và hứa sẽ làm thủ tục để bảo lãnh cho anh A sang Na Uy. Đến năm 2005, quan hệ vợ phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng hơn vào năm 2007. Nguyên nhân chính là do chị Kim E không làm được thủ tục để bảo lãnh cho anh A và có quan hệ với người đàn ông khác. Nay nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không cùng chung sống đã nhiều năm nay nên anh A có yêu cầu được ly hôn với chị Kim E.

Tại đơn trình bày ngày 01-8-2018, chị Kim E xác nhận mối quan hệ giữa chị Kim E và anh A được xác lập như anh A trình bày. Sau khi kết hôn, tháng 10-2002, chị Kim E quay trở về Nauy để làm ăn và thống nhất với anh A sẽ làm thủ tục bảo lãnh cho anh A sang Nauy để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng khi về Nauy một năm thì chị Kim E biết anh A ở Việt Nam chỉ mãi chơi, kinh tế chị Kim E gửi về để anh A làm thủ tục giấy tờ thì anh A chi tiêu hết. Đến năm 2007, chị Kim E biết thông tin anh A còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Nay nhận thấy vợ chồng không chung sống nhiều năm nay, tình cảm không còn nên chị Kim E đồng ý ly hôn với anh A.

Về quan hệ nuôi con chung và tài sản chung: Anh A và chị Kim E xác nhận quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh A giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Kim E và trình bày đề nghị Tòa án giải quyết cho anh A được ly hôn với chị Kim E; về con chung và tài sản chung: Anh A xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Kim E vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và cam kết không kháng cáo bản án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Do điều kiện ở xa, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên chị Kim E có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đề nghị của chị Kim E phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vụ án vắng mặt chị Kim E.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị Kim E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng ngày 09-8-2002 nên là hôn

nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh A và chị Kim E chung sống được một thời gian ngắn thì chị Kim E phải trở về Na Uy. Quá trình chung sống do phải sống xa nhau nên quan hệ vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đặc biệt là kể từ năm 2007. Nguyên nhân chính là do các bên không còn tin tưởng nhau, không còn tình cảm với nhau. Nay nhận thấy, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn nên cả anh A và chị Kim E đều thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm về việc ly hôn của anh A và chị Kim E là tự nguyện; phù hợp với tình trạng thực tế mối quan hệ giữa họ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Anh A và chị Kim E xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật - Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Anh Vũ Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn A được ly hôn với Chị Đỗ Kim E.
2. Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Anh Vũ Văn A và Chị Đỗ Kim E xác nhận không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.
3. Về án phí sơ thẩm: Anh Vũ Văn A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010909 ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Vũ Văn A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, Anh Vũ Văn A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 01 tháng (Một tháng) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Chị Đỗ Kim E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Phương**